

## MINH BÁO KÝ

### QUYỂN TRUNG

#### *1. Thứ sử Thôi Ngạn Võ ở Ngụy châu*

Trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-605) thời nhà Tùy, Thứ sử bắc lãng Thôi Ngạn Võ ở Ngụy châu, nhân hành bộ đến một ấp nọ, chợt nhiên vừa kinh ngạc vừa vui mừng, nói cùng mọi người đi theo rằng: “Xưa trước, tôi từng làm vợ người trong ấp này, nay còn nhớ biết nơi nhà đó”. Bèn xoay ngựa đi vào một hẻm nhỏ, đến một ngôi nhà gỗ cửa, người chủ tuổi già vội ra bái yết. Thôi Ngạn Võ vào nhà, trước tiên lên nhà trên, trông nhìn lên vách tường phía Đông cách đất khoảng sáu - bảy thước nơi có chỗ nổi cao, bảo cùng người chủ rằng: “Xưa trước, tôi đọc tụng kinh Pháp Hoa, và có năm chiếc vàng xuyên cất giấu trong vách tường này nơi nổi cao ấy. Ở trang sau cuối quyển bảy của kinh bị lửa cháy mất chữ, nên đến nay mỗi lần tụng kinh ấy đến cuối quyển bảy bèn quên mất, trọn không thể nhớ nổi”. Nhân đó bảo mọi người đến tường vách dò tìm xem, quả nhiên có được bộ kinh, mở ra cuối quyển bảy và vòng vàng xuyên, đều đúng như lời Thôi Ngạn Võ nói. Người chủ buồn khóc mà nói rằng: “Ngày trước lúc vợ tôi còn sống thường đọc tụng kinh này, và vàng xuyên đó cũng là vật của vợ tôi. Vợ tôi nhân sinh nở mà qua đời, bèn mất, không biết ở đâu, chẳng nhớ Sứ quân chỉ bày cho chỗ ấy”. Thôi Ngạn Võ lại bảo: “Nơi gốc cây hòe trước sân, lúc tôi sắp sinh nở, tự cắt tóc trên đầu để nơi hang trống cây ấy, thử bảo người tìm xem”. Quả nhiên có được nắm tóc, khi ấy người chủ vừa buồn vừa mừng, Thôi Ngạn Võ lưu lại các vật và y phục cấp cho người chủ rồi ra đi. Thôi Thượng Thư Đôn Lễ nói như vậy. Năm trước gặp Lô Văn Lệ cũng nơi đồng vậy, mà chỉ nói là Thứ sử ở Tề châu chứ không nói được họ tên đầy đủ như Thôi Đôn Lễ. Đường Lâm tôi bèn y theo Thôi Đôn Lễ mà ghi lục.

#### *2. Vị khách Tăng ở thời nhà Tùy.*

Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, có

vị khách Tăng đến miếu Thái sơn xin nghỉ lại qua đêm. Người giữ miếu nói: “nơi đây không có phòng nhà, chỉ dưới hiên miếu thần là nơi có thể nghỉ, nhưng từ trước đến nay các người nghỉ lại đều bị chết”. Vị Tăng ấy đáp: “Khỏi phải khổ ngại”. Người giữ miếu bất đắc dĩ mà sắp đặt giường dưới hiên. Đến đêm, vị Tăng ấy đoan tọa tụng kinh, đến khoảng canh một nghe trong phòng có tiếng vòng đeo va chạm nhau, chốc lát có vị thần ra kính lễ. Vị Tăng ấy hỏi: “Nghe từ trước đến nay, mọi người nghỉ lại tại đây phần nhiều đều chết, há Đàn Việt làm hại đó ư? Xin được bảo hộ!” Thần đáp: “Gặp các người đó thời điểm chết sắp đến, nghe tiếng đê tử, nhân đó kinh sợ mà chết, chẳng phải đê tử làm hại họ, xin Sư chớ lo”. Vị Tăng ấy bèn mời ngồi, cùng đàm nói như với người. Giây lâu, vị Tăng ấy hỏi: “nghe người đời truyền miệng Thái sơn là nơi Quỷ thống trị, có phải vậy không?” thần đáp: “Đê tử phước mỏng nên thật có vậy. Sư muốn thấy gặp người thân của mình đã mất trước chăng?” Vị Tăng ấy đáp: “Tôi có hai vị Tăng là bạn đồng học đã mất trước, xin được thấy gặp họ”. Thần hỏi tên vị nào. Vị Tăng ấy đáp rõ họ tên. Thần nói: “Một người đã sinh tử lại nhân gian, còn một người hiện ở trong ngục, vì tội quá nặng không thể gọi lại thấy gặp. Có thể cùng Sư đến đó thấy gặp”. Vị Tăng ấy rất mừng, nhân cùng đứng dậy bước ra cửa, đi không xa bèn đến một nơi, thấy có nhiều chuông ngục, ánh lửa hừng hực rất mạnh dữ. Thân dẫn vị Tăng ấy vào trong một viện, xa thấy có một người đang trong lửa kêu gào, nói không thể được, hình trạng lại không còn nhận biết, mà máu thịt cháy thối, khiến người thương tâm. Thần bảo: “Chính vị ấy vậy. Sư có muốn đi trông xem qua chăng?” Vị Tăng ấy buồn xót bảo muốn trở lui. Bỗng chốc đến nơi miếu cũ, vị Tăng ấy cùng thần đồng ngồi, nhân đó hỏi: “Tôi muốn cứu giúp bạn đồng học, có cách gì chăng?” Thần đáp: “Có thể được vậy. Nên vì biên tả một bộ kinh Pháp Hoa, tiện được thoát khỏi”. Thế rồi, sắp gần sáng, Thần giả từ trở vào trong miếu. Đến sáng sớm, người giữ miếu thấy vị Tăng ấy không chết, lấy làm quái lạ mà hỏi, nhân đó, vị Tăng ấy bèn vì kể rõ. Và bèn liền biên tả một bộ kinh Pháp Hoa. Khi kinh biên tả hoàn thành, trang nghiêm xong, vị Tăng ấy mang kinh đến nghỉ lại nơi miếu. Đêm đó, thần cũng ra như trước, vui mừng lễ bái, an ủi hỏi lý do đến nghỉ lại. Vị Tăng ấy bèn đem sự tình mà nói. Thần đáp: “Đê tử biết đó vậy, Sư vì biên tả kinh, lúc mới hết đề mục, vị Tăng kia đã được thoát khỏi, thác sinh đến nay đã lâu, không còn trong ấy nữa. Nhưng đây là nơi không được thanh khiết, chẳng thể tôn trí kinh. Xin sư đưa kinh trở về lại chùa”. Cùng nói bàn thời gian lâu, đến lúc gần sáng, Thần giả

từ đi vào. Vị Tăng ấy đưa kinh trở về chùa (Hàng châu biệt giá Trương Đức nói là trước kia lúc trấn tại Duyệt châu có biết rõ vị đó, nên kể cùng Đường Lâm tôi như vậy).

### **3. Tiêu Cảnh.**

Tiêu Cảnh, vốn người xứ Lan lăng, là Huyền tôn của vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, là con thứ năm của Lương Vương Vị. Khi nhà Lương mất vào thời nhà Tùy, chỉ của Tiêu Cảnh là Hoàng hậu của vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy, sinh trưởng mà gia đình lại sùng tin Phật pháp. Trong khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, tự vì trì tụng kinh Pháp Hoa, mới y theo kinh văn, nêu dùng gỗ đàn hương tạo tháp Đa bảo. Tháp cao ba thước, phía trên hình vuông phía dưới dày, lại dùng gỗ tạo tôn tượng Phật Đa bảo. Qua vài năm sau đó, Tiêu Thuyên là con của người Tiêu Cảnh, một sớm mai ngủ dậy bỗng thấy trong lùm cỏ trước có một ngôi Phù đồ bằng gỗ, che dưới có một tôn tượng bằng thau thạch, chế tác khác lạ so với ở Trung Hoa, hình dạng mặt mày tự người Hồ, trông mắt được làm bằng bạc, trông người đen lánh trong sáng sạch như tự nhiên. Tiêu Thuyên mới chạy đến mách báo cùng Tiêu Cảnh, Tiêu Cảnh trông thấy vừa kinh lạ vừa mừng vui bèn lấy che đưa về, thử tôn trí vào trên tháp, uyển nhiên tương xứng như cỏ làm nên, tuy sắc gỗ có nhỏ khác nhưng hình tháp lại diệu tuyệt, đem tôn tượng Phật an trí trong tháp cũng tương xứng như đã làm trước. Tiêu Cảnh rất vui mừng, tự cho là bởi sự tinh thành mà cảm nên vậy. Trong hợp tôn tượng Phật có hơn trăm viên xá-lợi. Tiêu Cảnh có người con gái xuất gia làm Ni tuổi nhỏ trộm nghi ngờ các vị Hồ Tăng từng nói là xá-lợi lấy dùi đánh không vỡ nát, mới thử lấy ba mươi viên đem để trên đá và dùng búa đánh, xá-lợi trọn không sao cả, người nữ Ni ấy mới tìm kiếm nơi đất chỉ nhặt lượm được ba -bốn viên, ngoài ra đều biến mất không thấy đâu cả. Thế rồi kinh sợ mách báo cùng Tiêu Cảnh, Tiêu Cảnh đến trong tháp trông xem thì xá-lợi đều có ở đó như cũ. Từ đó, Tiêu Cảnh tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một biến, cho đến trọn đời.

Năm Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường. Tiêu Cảnh cảm mắc cơn bệnh rất nặng. Tiêu Hậu cùng chị em trông thăm, Tiêu Cảnh thấy gặp mỗi mỗi đều bảo đốt hương cùng giả biệt, chỉ lưu lại người em là Tống Công Võ và người con gái cô Ni ấy đốt hương tụng kinh, chỉ chốc lát Tiêu Cảnh bảo cùng cô Ni rằng: “Ta muốn đi, Bồ-tát Phổ Hiền lại nghinh đón Ta hiện ở tại Đông viện, cô Ni có thể đến

nginh đón đó”. Cô Ni bèn vâng lời song nghinh đón, chưa trở về. Tiêu Cảnh lại bảo: “Viện nay bất tịnh, chẳng chịu lại, Ta phải đến đó, các người hãy khéo sống”, nhân đó giả biệt cùng Tống Công Võ, rồi bèn quỳ thẳng chấp tay, xoay mặt về chánh hướng Tây, khoảnh khắc bỗng ngã nằm lại mà qua đời. Tiêu Cảnh căn dặn lại riêng dùng một xe để chở, gom thay y phục ở tại thân, vợ và mọi người không được đưa đám tang, chở dùng rượu thịt để cúng tế, chế phần mộ mới khiến lấp vùi kín quan tài. Mọi người đều ngợi khen Tiêu Cảnh là bậc thông ngộ, người nhà đều vâng theo mà thực hành đó. (Hiếu, em của Trọng Khuê đều làm người Đại lý chủ bộ vì kể cho Đường Lâm tôi biết, và nghe mọi người ở châu ấy cũng nói như vậy).

#### **4. Lâm Ấn Vi Trọng Khuê.**

Lâm Ấn Vi Trọng Khuê vốn tánh rất hiếu để, rất được mọi người trong châu Lý mến kính. Năm mười bảy tuổi, Quận biểu Tả Dị làm Mông dương trưởng. Thân phụ là Liêm Mục vốn làm Dương quận thừa vì tuổi già nên trở về. Đến trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, thân phụ mắc bệnh rất nặng. Trọng Khuê chẳng cỏi đai mào mà tự dưỡng nuôi đến lúc thân phụ qua đời, Trọng Khuê từ tạ vợ con đến giữ bên phần mộ, do vốn rất kính tin Phật giáo, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, ban ngày thì khiên đất đắp mộ, đêm lại đọc tụng kinh điển, tinh cần chí thành không biếng trễ, trọn ba năm chẳng trở về nhà, từng có con hổ ban đêm đến ngồi xổm trước chòi để nghe kinh, lâu mà chẳng đi Trọng Khuê giữ chánh niệm bảo rằng: “Chẳng mong thú dữ cùng bức hại vậy”. Hổ liền đứng dậy bỏ đi. Sáng ngày trông thấy nhiều quanh mộ sinh mọc bảy mươi hai cành cỏ chi chi ngay trước mộ xếp theo thứ tự như có người trồng nên, đều tắng màu đỏ tía, cành tắng dài năm tấc, sắc màu sáng sạch khác thường. Có người ở gần thôn đem báo cùng châu huyện. Bấy giờ Tân Quận Xướng làm Thứ sử Thẩm Dụ làm Biệt giá cùng đến nơi ngộ đó xét xem, bỗng có một con chim như vịt ngậm hai con cá chép bay đến đặt ở nơi đất rồi bỏ đi. Quận Xướng v.v... rất mực ngợi khen, hái cỏ chi niêm phong lại đem tấu trình, vua ban chiếu ngợi khen cả thôn ấp. (Năm Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Đường Lâm tôi vâng phụng đi sứ Giang đông, Dương Châu Chân Y Chân Đà kể cho biết như vậy).

#### **5. Tôn Bảo ở Giang đô.**

Tôn Bảo vốn người xứ đất Bắc, khoảng cuối thời nhà Tùy (618)

chuyển dời đến ở Giang đô. Thuở thiếu thời từng bị chết mà trong thân còn ấm nóng qua hơn bốn mươi ngày mới sống lại, tự kể rằng: “Mới đầu bị bắt đến trong Quan Tào, bỗng nhiên thấy mẹ mình bị giam cầm trong đó, Tôn Bảo vừa buồn vừa mừng vui. Người mẹ nhân đó tự nói là từ lúc chết đến nay đã lâu, bị giam cầm không tiến dừng được, chẳng do đâu để tự phân bua. Sáng sớm Chủ ty dẫn Tôn Bảo ra mắt Quan, Quan bảo “Tôn Bảo không có tội, nên phóng thả ra”. Nhân đó, Tôn Bảo xin hỏi: “Chưa xét rõ lúc sống tạo tác mọi việc tội phước, có thành quả báo chăng?” Quan đáp: “Nhất định sẽ có quả báo”. Tôn Bảo hỏi: “Người tạo tội vừa tạo phước có thể hủy trừ chăng?” Quan đáp: “Được”. Tôn Bảo nói: “Có người ở gần thôn xóm tôi lúc bình sinh tạo tội nhiều, làm phước ít, nay hiện ở ngoài, còn mẹ tôi tạo phước nhiều, tạo ác ít lại bị giam giữ lâu dài, nếu nhất định có quả báo, có sao lại như vậy?” Quan kêu đòi hỏi Chủ lại, Chủ lại đáp không có bản án, Quan mới gọi mẹ của Tôn Bảo đến xét hỏi, biết đúng là tạo phước nhiều tạo tội ít. Quan trách Chủ lại, Chủ lại đánh mất bản án nên không biết bản án trạng nhẹ nặng như thế nào. Quan lại xét ở bộ khác quả thật đúng như lời nói đó, nhân đó bảo phóng thả phối sinh đến Lạc đường. Mẹ con đều đi ra, Tôn Bảo đưa mẹ đến nơi thác sinh, Lạc đường ấy như cung điện đẹp xin có nhà gác lớn, có đông nhiều trai gái ở trong đó hưởng lạc. Tôn Bảo không có ý muốn trở về, chỉ rảo bước xem nhìn các nhà vui thú mà thôi, qua hơn tháng trời, chợt gặp người Bác ở giữa đường, trách Tôn Bảo rằng: “Người chưa hợp chết, sao chẳng sớm trở về?” Tôn Bảo đáp: “Không muốn trở về nữa vậy”. Người Bác tức giận bảo: “Người chết mỗi mỗi đều theo bản nghiệp mà nhận chịu quả báo, người tạo nghiệp ác chẳng được sống ở Lạc đường, chỉ vì chưa hợp chết nên được làm khách tạm ở trong ấy vậy. Nếu như đáng chết thì quan đã bắt lấy người đâu được thấy gặp mẹ người ư?” Nhân đó, dùng một bình nước rưới trên mình Tôn Bảo từ đỉnh đầu đến chân khắp nơi đều thấm ướt chỉ còn chút ít nơi tay chưa khắp cùng vì nước hết, và chỉ một ngôi nhà trống không, bảo Tôn Bảo vào trong đó. Đã vào trong đó rồi bàn sống lại, nơi nước rưới không khắp, thịt bèn thối rửa rơi rớt, đến nay còn thấy cốt xương. (Năm Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Đường Lâm tôi vâng phụng đi sứ Giang đông, gặp Chân Đà kể nói như vậy. Tôn Bảo nay hiện còn sống).

### **6. Trương Lượng.**

Trương Lượng làm U châu Đô đốc phủ trưởng lại, rất sùng tin Phật

pháp, thường vào một ngôi chùa, thấy tôn tượng Phật cao lớn ngang bằng thân mình, nhân đó Trương Lượng riêng vì cúng dường tôn tượng ấy. Sau, ngồi trong phòng nhà, có hai đĩa thờ đứng hầu, bỗng nhiên nghe tiếng sấm chớp, mà tách Trương Lượng vốn rất sợ sấm sét, nhân vậy mà tâm nghĩ nhớ tôn tượng Phật ngang bằng thân mình, bỗng chốc sấm sét nổ rền lay động cả trụ nhà, một đĩa thờ đứng hầu kinh sợ chạy ra, vừa đến thêm cấp bèn chết, có một trụ gỗ tán loạn đánh trúng vào trán Trương Lượng mà không đau nhức lắm, trông xem đó mới có vết sẹo đỏ, mà trụ gỗ một nửa xé rơi nơi đất như có người chặt phá. Thế rồi, sau đó Trương Lượng đến chùa, thấy sau trán tôn tượng Phật có vết sẹo lớn như vật gì đánh vào đó, tương đương đúng nơi vết sẹo trên mình Trương Lượng vậy. Trương Lượng cùng mọi người đồng kinh sợ thờ than. (Trương Lượng tự kể cho cao dục nghe việc đó, và mọi người ở U châu đều biết việc đó).

### **7. Giám sát ngự sử Phạm Dương Lô Văn Lệ.**

Giám sát ngự sử Phạm Dương Lô Văn Lệ, mới đầu làm Văn Dương Úy, vâng phụng đi sứ Kinh châu, trên đường trở lại, đến Giang nam, cảm mắc bệnh rất nặng, bụng trướng cứng như đá, ăn uống nuốt không xuống, các thầy thuốc đều không thể chữa trị. Lô Văn Lệ tự cho rằng: “Hẳn chết, không còn trông mong được sống!” mới khuyên tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, trải qua vài ngày, hoảng hốt như đang ngủ, bỗng thấy một vị Sa-môn đi đến tự xưng là Bồ-tát Quán Thế Âm, bảo cùng Lô Văn Lệ rằng: “Người hay chuyên tâm xưng niệm, nên lại cứu giúp, nay sẽ vì người mà dứt trừ bệnh trong bụng”. Nhân đó đưa tay nắm cây gỗ dùng xoay nơi bụng. Trong bụng nhả ra một vật dơ ứ lớn hơn ba thăng rất hôi hám. Và bảo: “Hẳn được lành vậy”. Thế rồi, Lô Văn Lệ kinh ngộ, thân bụng thản nhiên, liền ăn và đầy được, và mọi bệnh cố tật đều lành, đến nay rất khỏe mạnh.

Lô Văn Lệ thật cùng Đường Lâm tôi đồng làm ngự sử, tự kể như vậy.

### **8. Mục Nhân Thiến.**

Mục Nhân Thiến, vốn người ở Cám Đan, Triệu Quận, thuở thiếu thời có trải qua học, chẳng tin quỷ thần, thường muốn cùng thử có hay không. Đến tư nhân tập học, hơn mười năm mà chẳng được thấy, sau đó dời nhà đến huyện ở, giữa đường đi thấy gặp một người như quan lớn, áo mão rất hùng vĩ, cưỡi ngựa béo tốt, có hơn năm mươi người cùng



theo, trông nhìn Nhân Thiến mà không nói năng gì, sau vài lần thấy, thường như vậy. Trải qua mười năm, có đến vài mươi lần thấy gặp. Sau đó, bỗng nhiên dừng ngựa, gọi Nhân Thiến mà bảo: “Từ trước đến nay từng gặp thấy ông tâm tình cùng luyện mộ, nay muốn dẫn ông cùng giao du”. Nhân Thiến liền kính bái và hỏi: “Ông là người nào?” Kẻ ấy đáp: “Ta là Quỷ vậy, vốn dòng họ Thành, tên là Cảnh, người xứ Hoàng nông, xưa trước trong thời Tây Tấn (265-317) làm Biệt giá, còn nay đang nhậm giữ Trưởng lại ở nước Lâm Hồ”. Nhân Thiến hỏi: “Nước đó tại đâu? vua tên là gì?” Quỷ đáp: “Từ Hoàng Hà trở về phía Bắc, tất cả đều là nước Lâm Hồ, kinh đô đóng tại phía Tây Bắc Lâu Phiến, tức thuộc Chân Thích vậy. vua nước đó là Triệu Võ Linh Vương xưa trước, hiện nay thống trị nước ấy, tất cả đều nhận chìm Thái sơn khổng nhiếp. Mỗi tháng các Sứ lên cùng châu Thái sơn, do đó từng nhiều lần ngang qua đây cùng gặp gỡ ông, Ta mới hay có cùng lợi ích, khiến ông dự biết mọi sự họa nạn mà ẩn lánh trước có thể thoát khỏi hoạn hại, chỉ trừ mạng sống chết cùng với quả báo họa phước lớn, không thể chuyển dời lay động đó”. Nhân Thiến bèn theo đó. Nhân đó, Thành Bảo bảo người cùng cưỡi theo thường chưởng sự (trông xét mọi việc) mà cấp tặng sai đi theo Nhân Thiến, có việc gì thì khiến báo trước, còn việc ông không biết nên báo lại cùng ta. Khi ấy cùng nhau giả biệt. Chưởng Sự thường luôn đi theo như người tùy tùng, khoảnh khắc có hỏi, không gì chẳng biết.

Bấy giờ, khoảng đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) thời nhà Tùy, có Sầm Chi Tượng ở Giang lăng làm Cấm Đan lệnh, có người con là Văn Bản chưa đủ tuổi hai mươi. Sầm Chi Tượng mời Nhân Thiến đến nhà để dạy cho văn bản học sách. Nhân Thiến mới đem việc ấy nói với Văn Bản, nhưng nói rằng: “Thành Trưởng sứ (Thành Bảo) nói ta có một việc xấu hổ với ông không thể nói, nhưng đã cùng ông tương giao kết bạn nên cũng không thể không nói với ông. Trong đạo quỷ thần cũng có ăn, nhưng chẳng thể no, khổ đói mãi hoài, nếu được người cho ăn bèn được no cả một năm. Các quỷ thần nhiễm trộm lấy thức ăn của người. Ta đã quý trọng, không thể trộm đó, nên theo ông xin cho một bữa ăn”. Nhân Thiến đã báo cùng Văn Bản như vậy, Văn Bản liền vì sắm sinh các thức ăn đầy đủ mọi thứ ngon lành. Nhân Thiến bảo: “Quỷ không muốn vào nhà người, nên đem ra ngoài bờ sông, căng màn trải chiếu, thiết bày các thứ rượu thức ăn lên đó”. Văn Bản bèn y theo lời đó. Đến giờ, Nhân Thiến thấy Thành Cảnh và hai khách đến ngồi, và có hơn trăm người cùng cưỡi theo đến. Đã ngồi xong, Văn Bản xoay mặt hướng đến chiếu

kính bái, tạ lỗi vì thức ăn không tinh khiết, cũng truyền ý đến Thành Cảnh, xong rồi từ tạ. Mới đầu, Văn Bản sắp thiết bày các thức ăn để cấp thí, Nhân Thiến xin có vàng lụa để chuộc đó. Văn Bản hỏi: “Phải là các vật gì?” Nhân Thiến bảo: “Vật dụng của quý đều khác so với người, chỉ trừ vàng ròng và lụa quỳên là thông dùng, nhưng cũng không như giả vậy, dùng màu sắc vàng bôi thoa vào sắt lớn để làm vàng, dùng giấy làm lụa quỳên, rất là quý trọng”. Văn Bản đều y theo chí bảo mà làm. Đến lúc Thành Cảnh ăn xong, bảo các người cưỡi theo thay ngồi ăn, Văn Bản đem các thứ làm thành vàng tiền lụa quỳên mà cấp tặng đó. Thành Cảnh rất vui mừng cảm tạ rằng: Nhân Mục Nhân Thiến phát sinh làm phiền Lang Quân cung cấp. Lang Quân có muốn biết về thọ mạng của mình chăng?” Văn Bản đáp: “Không muốn biết điều đó”. Thành Cảnh giả từ mà đi.

Sau đó vài năm, Nhân Thiến mắc bệnh rất lắm khốn đốn, không thể dậy nổi. Qua hơn một tháng, Nhân Thiến hỏi Thường Chưởng Sự, Chưởng Sự đáp: “Không biết”. Bèn hỏi Trưởng Sứ - Thành Cảnh, Trưởng sứ bảo: “Trong nước không biết, ngày sau nhân đến châu Thái sơn sẽ vì hỏi tin tức mà báo lại”. Đến tháng sau, Trưởng sứ đến báo rằng: “Do người cùng quê ông là Triệu Võ làm Thái sơn chủ bộ, chủ bộ bị khuyết thiếu một thành viên, đề cử ông thay thế làm chức quan đó, nên làm văn án qua năm với gọi ông vậy. Khi văn án đã hoàn thành vì ông sẽ chết”. Nhân Thiến hỏi: “Tính làm sao để ra khỏi?” Thành Cảnh bảo: “Tuổi thọ của ông đáng ngoài sáu mươi, nay mới vừa bốn mươi tuổi, chỉ vì Triệu chủ bộ nêu gọi vậy. Tôi sẽ vì ông mà cầu xin đó”. Xong, Thành Cảnh mới nói với Triệu chủ bộ, cùng hỏi: “Mục Huynh (Mục Nhân Thiến) ngày trước là bạn đồng học, ân tình rất sâu nặng, nay tôi may được làm Thái sơn chủ bộ, vừa gặp lúc khuyết thiếu một chủ bộ, phủ bảo chọn người, tôi đã khai bẩm Phủ Công, Phủ Công hứa sẽ cùng dùng, ông không được sống thọ, mạng sẽ có chết, chết gặp lúc cơ hội vừa đến, chưa hẳn được làm quan, sao tiếc một vài mươi năm, giả sử có tham sống mà nay văn thú đã ban xuất, cũng không thể ngưng lại được, xin quyết làm theo ý trong tương lai, không nên nghi ngờ vậy”. Nhân Thiến lo sợ, bệnh càng quá lắm, Thành Cảnh bảo cùng Nhân Thiến rằng: “Triệu chủ bộ hẳn muốn đặt để đến ông, ông có thể đến Thái sơn nơi chỗ Phủ quân mà trình bày tố giác, thì có thể được khỏi”. Nhân Thiến hỏi: “Do đâu mà được thấy gặp Phủ Quân?” Thành Cảnh bảo: “Quý cũng có thể thấy gặp được vậy, ông đến miếu Thái sơn, theo hướng Đông vượt qua một hang nhỏ, nơi chỗ đất bằng phẳng tức là Đò



sở, ông đến sẽ tự thấy gặp đó. “Nhân Thiến đem việc ấy nói cùng Văn Bản. Văn Bản vì chuẩn bị hành trang. Vài ngày sau, Thành Cảnh trở lại bảo cùng Nhân Thiến rằng: “Văn thư sắp hoàn thành, nếu ông tố giác, sợ cũng chẳng thể khỏi. Hãy gấp tạo một tôn tượng Phật thì văn thư kia tự tiêu mất”. Nhân Thiến lại bảo cùng Văn Bản, dùng ba ngàn tiền vì đắp họa một tòa tôn tượng nơi vách tường phía Tây chùa. Thế rồi, Thành Cảnh lại đến báo rằng: “Ông được khỏi vậy”. Nhân Thiến tình ý chẳng tin Phật pháp nên còn lăm nghi ngờ đó. Nhân đó hỏi Thành Cảnh rằng: “Trong Phật pháp nói có nhân quả ba đời, điều ấy là thật hay dối?” Thành Cảnh đáp: “Thật có vậy”. Nhân Thiến lại hỏi: “Tức như người chết đáng phần vào trong sáu đường, nào phải tất cả đều làm quỷ, mà Triệu Võ Linh Vương và ông đến nay vẫn phải làm quỷ vậy?” Thành Cảnh hỏi: “Trong huyện ông có bao nhiêu hộ nhà?” Nhân Thiến đáp: “Có hơn muôn hộ nhà”. Thành Cảnh hỏi: “Có bao nhiêu kẻ bị đày đọa tù ngục?” Nhân Thiến đáp: “Thường có khoảng hai mươi người trở xuống”. Thành Cảnh hỏi: “Trong muôn hộ nhà có được bao nhiêu người làm quan Ngũ phẩm? Nhân Thiến đáp: “Không có người nào cả”. Thành Cảnh hỏi: “Từ quan Cửu phẩm trở lên có được bao nhiêu người?” Nhân Thiến đáp: “Có vài mươi người”. Thành Cảnh bảo: “Trong sáu đường cũng đồng nhất như vậy đó. Người được sinh lên cõi trời, trong muôn người chỉ có một, như trong huyện ông không có một người làm quan Ngũ phẩm, kẻ sinh trong cõi người có được vài người, như quan Cửu phẩm của ông, còn vào địa ngục có cũng vài mươi người, như kẻ trong tù ngục ông, chỉ có ở loài quỷ và súc sinh thì có lắm nhiều. Tóm lại trong đây mà nói, lại còn có Đẳng cấp”. Nhân đó, chỉ kẻ cùng theo mà bảo: “Người kia lớn chẳng bằng Ta, còn kẻ lớn chẳng bằng người kia thì rất đông nhiều”. Nhân Thiến lại hỏi: “Quý có chết chẳng?” Thành Cảnh đáp: “Có chết”. Nhân Thiến hỏi: “Chết sinh vào đường nào?” Thành Cảnh đáp: “Không biết, như người biết chết mà không biết việc sau khi chết”. Nhân Thiến hỏi: “Đạo gia cúng tế là có ích lợi chẳng?” Thành Cảnh đáp: “Đạo là Thiên đế thống trị cả sáu đường, đó gọi là Thiên Tào, còn vua Diêm-ma như Thiên tử trong cõi người, Thái sơn phủ quân như Thượng thư lệnh, Lục ngũ đạo thần như các thượng thư, còn nước của bọn tôi như châu quận lớn, mọi việc trong nhân gian, đạo dâng lễ bầy tấu rõ thỉnh phước Thiên Tào nhận đó, ban xuống vua Diêm-ma bảo rằng: “Ngày... tháng... năm ấy, có người họ tên... ấy tố cáo việc... ấy đều nên theo hết Lý mà xét xử chớ khiến uổng lạm”. vua Diêm-ma kính nhận mà phụng hành đó. Như người vâng phụng sắc

chiếu, không lý thì chẳng thể cầu thoát khỏi, có oan uổng hẳn sẽ được tỏ bày, không thể là vô ích vậy”. Nhân Thiến lại hỏi: “Trong nhà Phật tu phước thì như thế nào?” Thành Cảnh đáp: “Phật là bậc Đại Thánh, không văn thư ban hành xuống. Với người tu phước thì trời thần kính phụng được nhiều khoan dung ủng hộ. Nếu người tu tạo phước sâu dày, tuy có văn bộ trong ác đạo cũng không thể đuổi bắt. Đó không phải chỗ tôi có thể biết, cũng chớ biết lý do đó như thế nào”. Nói xong, Thành Cảnh bèn đi. Một vài ngày sau Nhân Thiến dậy được và bèn lành mạnh. Đến khi thân phụ của Văn Bản qua đời, nên trở về quê hương. Nhân Thiến gửi thư đến nói rằng: “Quý thân nhất định là có tham lam xiển nịnh, ngày trước muốn Lang quân ban thí ăn uống, mới ân cần đó, từ đó biết không đáp lại lợi ích nông hậu thì cùng thấy khác lạ. Tự nhiên, Thường chưởng sự còn thấy theo, trong bản huyện bị giặc vùi lấp, chết mất gần hết, kể tờ nhờ Chưởng sự dẫn dắt nên thường như giặc không thấy, trọn được an toàn”.

Ngày mồng 09 tháng 09 năm Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Văn Quan Tứ Thức ở cửa phía Bắc Huyền Võ. Khi ấy, Văn Bản làm Trung thư thị lang, cùng người anh trong nhà là Thái phủ khanh, cùng Trị thư thị ngự sử Mã chu, Cấp sự Trung Vi Côn, cùng Đường Lâm tới chung ngồi trò chuyện, Văn Bản tự kể cho mọi người nghe như vậy.

### **9. Tôn Hồi Phác.**

Điện Trung thị lang Tôn Hồi Phác, vốn người ở Tế âm. Năm Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, theo xa giá đến cốc Tam thiện ở cung Cửu thành, cùng ở gần nhà Ngụy Thái sư. Từng một đêm nọ vào lúc canh hai, nghe ngoài cửa có tiếng người gọi “Tôn Thị Y”. Tôn Hồi Phác ra xem, tự cho là Thái sư gọi. Khi đã ra, thấy có hai người bảo cùng Tôn Hồi Phác rằng: “Quan gọi”. Tôn Hồi Phác nói: “Tôi không thể đi bộ”. Liền lấy ngựa của Phác cưỡi đi theo hai người ấy, mới cảm thấy đất trời sáng sủa như ban ngày. Tôn Hồi Phác lấy làm ngỡ lạ mà không dám nói. Hai người dẫn ra cửa cốc, trái qua châu các nhà phía Đông, lại theo hướng Đông bắc, đi khoảng sáu - bảy dặm. Đến cốc Mục túc, xa thấy có hai người dẫn Hàn Phụng Phương đi, bảo hai người dẫn Tôn Hồi Phác rằng: “Các người sai nhầm rồi, kẻ ta bắt được đây mới là phải, các người nên thả người ấy ra”. Hai người đó bèn thả Tôn Hồi Phác. Tôn Hồi Phác theo đường lần dò trở về, chẳng khác lúc bình sinh. Về đã đến nhà, buộc ngựa, thấy đứa trẻ đang ngủ nơi cửa nhà, gọi nó

chẳng đáp, Tôn Hồi Phác bước vượt qua, vào cửa nhà, thấy thân mình cùng vợ đều ngủ, muốn đến đó mà trợn chẳng được, chỉ dím đứng nơi vách tường phía Nam, lớn tiếng gọi vợ, nhưng vợ vẫn không đáp. Trong phòng rất sáng, thấy trong góc vách tường có màn lưới nhện nhện, trong lưới có hai con ruồi, một lớn một nhỏ và thấy nơi xà nhà có dím vật thuốc, không gì chẳng rõ ràng, chỉ không được đến nơi sàn giường. Tôn Hồi Phác tự biết là đã chết, nên rất buồn bã, hận không được cùng vợ giả biệt, đứng tựa nơi phía vách tường phía Nam, lâu sau hơi ngái ngủ, bỗng kinh ngạc tỉnh giấc, thấy thân mình đã nằm trên giường mà trong phòng tối đen không trông thấy gì, Tôn Hồi Phác kêu gọi vợ, bảo vợ đốt lửa, mà thân mình đổ mồ hôi ướt đầm, dậy trông nhìn màn lưới nhện nhện rõ ràng chẳng khác, thấy ngựa cũng đổ mồ hôi. Đêm đó, Hàn Phụng Phương bạo tử.

Về sau, đến năm Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Tôn Hồi Phác vâng phụng sắc chiếu đi ngựa trạm đến Tề châu trị bệnh cho Tề Vương Hựu xong trở về, đến trạm Hiếu Nghĩa ở phía Đông Lạc châu, bỗng thấy một người lại hỏi: “Ông có phải là Tôn Hồi Phác chăng?” Tôn Hồi Phác đáp: “Phải. Ông hỏi làm gì?” Người ấy đáp: “Ta là quý, Ngụy Thái sư có văn thư tìm bắt ông để làm ký thất”. Nhân đó đưa văn thư cho Tôn Hồi Phác. Tôn Hồi Phác đọc xem, thì đó là Trịnh Quốc Công Ngụy Huy Thự. Tôn Hồi Phác kinh ngạc hỏi: “Trịnh công chẳng chết, sao sai ông đưa thư?” Quý đáp: “Đã chết rồi vậy, hiện nay làm Thái dương đô lục đại giám, nên bảo ta tìm gọi ông”. Tôn Hồi Phác dẫn mời cùng ăn, quý vui mừng cảm tạ Tôn Hồi Phác, Tôn Hồi Phác xin rằng: “Tôi vâng mạng đi sứ chưa về. Trịnh Công không nên đuổi tìm tôi, đợi tôi trở về Kinh đô, tấu trình sự việc hoàn tất, sau đó tôi sẽ vâng mạng, có được chăng?” Quý bèn chấp thuận. Từ đó, ban ngày thì đồng đi, ban đêm thì chung ngủ. Về đến Văn Hương. Quý từ giả, bảo rằng: “Tôi tạm qua chỗ vượt ải chờ đợi ông”. Tôn Hồi Phác vượt qua ải ra cửa phía Tây, thấy Quý đã ở ngoài cửa, lại cùng đi, đến trạm Tư Thủy, Quý lại giả biệt, nói rằng: “Đợi ông tấu trình sự việc xong, sẽ cùng gặp lại. Ông nên chờ ăn dùng các thứ tanh nồng”. Tôn Hồi Phác hứa: “Vâng!”. Tấu trình sự việc xong, Tôn Hồi Phác phỏng hỏi Trịnh Công đã chết thật, ngay trước ngày đến trạm Hiếu nghĩa, Tôn Hồi Phác tự cho rằng: “Mình hẳn phải chết”, bèn cùng người nhà từ biệt, thỉnh mời chư Tăng hành đạo, chú tạo tôn tượng, biên tả kinh điển, khoảng năm - sáu ngày sau, ban đêm ngủ mộng thấy Quý trước đến gọi dẫn đưa lên núi cao. Trên đỉnh núi có cung điện lớn. Đã vào bên trong, thấy các

quân tử nghinh đón mà bảo rằng: “Người này tu phước, không thể lưu ở lại đây, nên phóng thả đi”. Và liền xô đẩy Tôn Hồi Phác rơi xuống núi. Khi ấy tự nhiên kinh hải tĩnh ngộ, mãi đến nay không bệnh hoạn gì. Tôn Hồi Phác tự nói cho Đường Lâm tôi nghe như vậy.

### **10. Hộ Bộ thượng thư Võ Xương Công Đái Vị.**

Hộ Bộ thượng thư Võ Xương Công Đái Vị, vốn cùng Thư Châu biệt giả Thẩm Dụ kết bạn thân. Năm Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Đái Vị qua đời. Đến tháng tám năm sau (634), Thẩm Dụ đang ở tại châu, mộng thấy tự thân mình đến nơi đường thông phía Nam thôn Nghĩa ninh tại Kinh đô, bỗng thấy Đái Vị vận mặc áo quần xấu cũ, nhan sắc rất tiêu tụy khốn đốn, trông thấy Thẩm Dụ, vừa buồn vừa mừng. Thẩm Dụ hỏi: “Lúc bình sinh ông tu phước, nay cơ sao như vậy?” Đái Vị đáp: “Lúc sống, Tôi nhầm lẫn tấu giết một người. Sau khi tôi chết có người khác giết một con dê để cúng tế tôi. Do hai việc ấy mà phải đối biện, khốn khổ chẳng thể nói, nhưng cũng thế xong vậy”. Nhân đó, nói cùng Thẩm Dụ rằng: “Lúc còn sống, Tôi cùng ông kết bạn lành, nhưng cuối cùng không thể tiến tới địa vị quan quân, rất lấy buồn hận ảm ức trong lòng. Ông nay tự được làm quan Ngũ phẩm, văn thư đã qua đến Thiên Tào, cùng hỗ trợ hân hoan vui mừng, nên tôi báo cùng ông được rõ”. Nói xong, thế rồi Thẩm Dụ tỉnh mộng, bèn nói với mọi người là đã có mộng tức có điềm ứng. Mùa đông năm đó, Thẩm Dụ vào kinh đô dự tham tuyển chọn, vì có đồng phạt, không được làm quan, Thẩm Dụ lại nói với mọi người điềm mộng không ứng nghiệm. Qua mùa xuân năm Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Thẩm Dụ sắp về Giang nam, vừa đi đến Từ châu, bỗng nhiên vâng phụng có chiếu thư ban trao cho Thẩm Dụ làm quan Ngũ phẩm, và làm Vụ châu Trị Trung (anh của Đường Lâm tôi làm Lại bộ thị lang nghe vậy, mời Thẩm Dụ đến hỏi và Thẩm Dụ nói như thế).

### **11. Lý Đại An ở Lũng tây.**

Lý Đại An ở Lũng tây là anh ruột của Công bộ thượng thư Lý Đại Lượng. Trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Lý Đại Lượng làm Việt châu Tổng quản, Lý Đại An từ Kinh đô đến thăm, Lý Đại Lượng sai bảo vài người tôi tớ theo anh trở về. Về đến Lộc kiều ở Cốc châu, dừng nghỉ tại quán trọ. Các tôi tớ ấy có mưu ý giết hại Lý Đại An, đợi lúc ngủ say, dùng kiếm nhỏ đâm vào cổ Lý Đại An găm lút xuống dính sàn giường. Nhân đó, kẻ tớ ấy chẳng rút ra mà bỏ chạy trốn.

Lý Đại An kinh hãi tỉnh giấc, gọi kẻ tở, kẻ tở không phản hại đến, muốn rút kiếm ra, Lý Đại An bảo: “Rút kiếm ra hẳn sẽ chết vậy, nên lấy giấy bút để viết thư trước đã, kẻ tở bàn báo cùng người chủ quán trọ tố cáo lên Quan huyện. Lúc Lý Đại An viết thư xong thì Quan huyện cũng vừa đến, nhân vì rút mũi nhọn ra, tẩy rửa vết thương, bôi thoa bó thuốc, Lý Đại An bèn chết ngất, bỗng nhiên như người nằm mộng thấy có một vật dài hơn một thước trơn nhẵn dày khoảng bốn - năm tấc, hình trạng tựa như thịt heo, cách đất khoảng hai thước, từ ngoài cửa dẫn vào đến trước sàn giường. Trong đó có tiếng bảo: “Hãy gấp hoàn trả thịt cho ta”. Lý Đại An hỏi: “Tôi chẳng ăn thịt heo, duyên gì mắc nợ người?” Bỗng nghe ngoài cửa có tiếng nói: “Sai nhầm rồi, không phải, vật này tức trả lại”, rồi từ cửa đi ra, Lý Đại An bèn thấy trước sân có một ao nước, trong sạch cạn rất đáng thích, ở trên bờ phía Tây có một tôn tượng Phật bằng vàng cao khoảng năm tấc, chốc lát dần lớn mà hóa làm vị Tăng đắp mặc áo ca sa rất mới sạch, bảo cùng Lý Đại An rằng: “Ông bị thương ư? Ta nay sẽ vì ông mà khử bỏ nỗi đau đó, ông sẽ bình phục, trở về nhà mà niệm Phật tu thiện”. Nhân đó đưa tay thoa vào vết thương nơi cổ của Lý Đại An, rồi bỏ đi. Lý Đại An ghi nhớ rõ kỹ hình trạng đó thấy trên lưng vị Tăng có mảnh lụa sắc hồng vá áo ca sa vuông khoảng một tấc, rất rõ ràng. Thế rồi Lý Đại An tỉnh giấc sống lại và vết thương cũng không đau nhức, có thể ngồi dậy ăn uống được. Mười mấy ngày sau, con em ở Kinh đô đến đưa trở về nhà, người nhà cố lại trông thăm. Lý Đại An vì nói nguyên do trình trạng bị thương và việc thấy gặp vị Tăng. Có kẻ tở ở tại phòng đó nghe nói như thế, nhân đó kể lại.

Từ đó, Lý Đại An bắt đầu thực hành. Vợ Lý Đại An sai bảo kẻ tở đến người thợ làm tượng vì Lý Đại An mà tạo tôn tượng Phật. Lúc tượng hoàn thành, dùng màu để họa vẽ, có một chấm son làm dơ trên lưng, sai người thợ tẩy bỏ, nhưng chẳng chịu, đến nay vẫn hiện còn, hình trạng như điều nói của Lang quân (Lý Đại An). Nhân đó, Lý Đại An cùng vợ và mọi người trong nhà cùng đến trông xem tôn tượng, mới thấy chấm son trên lưng uyển nhiên như chỗ vá đắp, khi ấy mới thán di, bèn kính tín Phật pháp vợ của Đại An vốn người thuộc dòng họ Hạ Hầu, là em gái của Lãng châu thứ sư Tuân, trước đã nói cho Đường Lâm tôi nghe. Về sau, còn của Anh Lý Đại An là Thương Dụ làm Đại Lý Khanh cũng nói như vậy.

### ***12. Đô Thủy Sư giả Tô Trường.***

(Xem chú thích 34, ở đây kết hợp với truyện thứ mười bốn ở sau).

### 13. **Đổng Hùng ở Hà đông.**

Đổng Hùng ở Hà đông, thuở thiếu thời rất chí thành kính tin Phật Đạo. Ăn chay trường suốt vài mươi năm. Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, làm Đại Lý thừa. Mùa xuân năm Trinh Quán thứ mười bốn (641), vì bị liên lụy với việc của Lý Tiên Đồng, hệ thuộc với Ngự Sử Đài. Bấy giờ vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lấy làm cam tâm vô cùng tức giận, sai Trị thư thị ngự sử nghiệp tông v.v... bắt khảo hỏi rất gấp, phòng cấm nghiêm mật. Có khoảng hai mươi người bị bắt giam cầm. Trong đó, Đại Lý thừa Lý Kính Huyền, Ty trực Vương Hân đều liên lụy việc đó, đồng bị giam cầm trong một phòng với Đổng Hùng, và bị xiềng xích rất chặt chẽ. Đổng Hùng chuyên trì niệm phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, qua vài ngày được ba ngàn biển. Nửa đêm riêng ngồi đọc niệm kinh, bỗng nhiên khóa tự mở rơi nơi đất, Đổng Hùng kinh ngạc báo cùng Lý Kính Huyền và Vương Hân. Hân và Huyền đều trông thấy khóa nhưng vẫn cứng chắc kín khít nơi đất, móc khóa cũng nghiêm nhiên không hư hoại mà móc và xích lia cách nhau vài thước. Huyền, Hân v.v... vô cùng kinh lạ đó. Đổng Hùng lo sợ bị khiển trách tội, báo cùng người giữ, xin móc xích đó. Giám sát ngự sử Trương Kính Nhất trực đêm tại đó, bảo kẻ lại mở khóa, kẻ lại đem đuốc soi xem, thấy móc xích và khóa chẳng liên quan mà tự nhiên lia nhau, rất quái lạ. Nhân đó móc xích khóa không lại, dùng giấy niêm phong ổ khóa viết đặt để trên niêm phong, kẻ lại làm xong, đi khỏi. Đổng Hùng lại ngồi tụng kinh, đến canh năm, khóa lại mở rơi mà có tiếng như người mở. Đổng Hùng kinh sợ lại báo cùng Huyền, Hân v.v... cho rằng, gần sáng không nên báo với kẻ lại. Đến sáng mọi người cùng trông xem, thấy móc và xích mỗi tự rời nhau nơi đất, mà móc khóa vẫn kín chặt, nơi niêm phong vẫn hoàn toàn như cũ không xô dịch, móc xích rất kín chắc, không lý nào mở được. Lý Kính Huyền từ thuở thiếu thời chẳng tin Phật pháp, thấy vợ đọc tụng kinh thì thường bảo rằng: “Sao lại vì một vẻ đẹp của Hồ thần mà đọc sách ấy ư?” đến lúc thấy việc này của Đổng Hùng mới rất thần phục, tỉnh ngộ, mới bảo rằng: “Nay tôi mới biết, Phật là Đại Thánh, không thể xếp đặt xem như thường tình, thật chẳng thể nghĩ bàn vậy”. Bấy giờ, Vương Hân, Lý Kính Huyền cũng trì tụng danh hiệu tám vị Bồ-tát, đủ ba vạn biển, hết ngày, khóa tự mở rơi, trông nhìn đờ, móc khóa tương trạng so với Lý Kính Huyền cũng không khác nhau”. Khi ấy, Kính Huyền tin phục hổ thẹn hối tạ. Thế rồi cả ba người đều được rửa sạch tội oan. Lý Kính Huyền mới biên tả kinh Pháp Hoa, họa vẽ tôn tượng tám vị Bồ-tát, quy y Tam bảo, phát tâm cúng



dường. (Khi ấy, Đường Lâm tôi mắc bệnh rất nặng ở tại nhà, Lý Kính Huyền đến tham bệnh, tự nói rõ sự việc ấy. Khi bệnh lành, Đường Lâm tôi lại nhiếp chức, hỏi đài nội quan lại, nói cùng như Lý Kính Huyền không khác, Đổng Hùng cũng tự nói việc đó, mà tinh cần cố gắng càng dốc chí. Đổng Hùng đến nay hiện còn, làm Chu lệ lệnh).

#### 14. Đô Thủy Sứ giả Tô Trường

Trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Đô Thủy Sứ giả Tô Trường làm Ấp châu thứ sử, Tô Trường dẫn đem người nhà đến nơi trấn nhậm, vượt qua sông Gia lãng, giữa dòng, gió nổi thuyền chìm, mọi người nam nữ có hơn sáu mươi người một lúc đồng chết đắm. Chỉ có một người thiếp thường đọc tụng kinh Pháp Hoa, nước sông vào, người thiếp đó đội hộp kinh trên đầu, thề cùng kinh chìm đắm. Thế rồi, thuyền chìm, riêng người tiếp ấy không đắm, theo sóng đẩy tấp, khoảnh khắc đến bờ, bèn mở hộp mà xem kinh. Trọn không thấm ướt, nay vẫn hiện còn ở Dương châu, lấy chồng làm vợ người mà càng dốc lòng kính tin. (Sâm Lệnh nói được nghe người tiếp ấy nói như vậy. Đường Lâm tôi nhân đi sứ trên sông đó, mọi người chung thuyền cũng đồng nói vậy).

#### 15. Trung thư lệnh Sâm Văn Bản.

Trung thư lệnh Sâm Văn Bản, từ thuở nhỏ đã kính tin Phật pháp, thường niệm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Từng đi thuyền đến Ngô giang, giữa dòng thuyền hư, mọi người đều chết, Sâm Văn Bản ở trong nước, nghe có tiếng người bảo: “Chỉ nên niệm Phật, hẳn sẽ không chết”. Nói như vậy ba lần, thế rồi theo sóng vọt ra, đã đến trên bờ phía Bắc. Sau đến Giang lãng, thiết trai hội cúng dường. Các hàng Tăng tục đều nhóm tụ nơi nhà Sâm Văn Bản. Có một khách Tăng đến sau, bảo cùng Sâm Văn Bản rằng: “Thiên hạ mới loạn, ông may chẳng dự phải tai họa ấy, cuối cùng gặp Thái Bình, đạt được phú quý”. Nói xong, liền rảo bước đi ra. Thế rồi, Sâm Văn Bản từ trong chén ăn có được hai viên xá-lợi. Về sau mọi việc quả nhiên đều như lời nói đó (Sâm Văn Bản tự đến Đường Lâm tôi nói như vậy).

#### 16. Nguyên Đại Bảo ở Hà nam.

Nguyên Đại Bảo ở Hà nam, trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650\_ thời Tiền Đường, làm Đại Lý thừa, một đời không tin việc nhân quả. Cùng đồng quan liêu Trương Tán Sách kết bạn thân. Nguyên Đại Bảo từng nói với Trương Tán Sách rằng: “Hai người chúng ta, nếu

ai chết trước thì nên trở lại báo việc nhân quả có hay không vậy. Đến năm Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Nguyên Đại Bảo theo xa giá đến Lạc dương, mắc bệnh mà chết, khi ấy Trương Tấn Sách đang ở tại Kinh đô chưa biết. Một đêm nọ mộng thấy Nguyên Đại Bảo đến báo rằng: “Tớ đã chết vậy. Lúc bình sinh không tin có quả báo thiện ác. Nay mới nhất định biết có thật không hư dối, nên lại cùng báo. Ông cố gắng tu tạo phước nghiệp”. Trương Tấn Sách hỏi tướng trạng đó như thế nào. Nguyên Đại Bảo đáp: “Sự khốn khổ trong mình báo thật không thể nói, kia cũng không thể giải bày, chỉ báo cho ông biết nhất định là thật có”. Trương Tấn Sách tỉnh mộng, nói cùng các quan đồng僚 biết việc đó, hai ngày sau thì tin đám tang Nguyên Đại Bảo đưa đến. Trương Tấn Sách xét lại giấc mộng đó là sau ngày Nguyên Đại Bảo đã chết (Trương Tấn Sách tự nói cho Đường Lâm tôi biết như vậy).

### **17. Trịnh Sư Biện.**

Đông cung hữu giám môn binh tào tham quân Trịnh Sư Biện, lúc chưa tròn hai mươi tuổi, bị bệnh dữ, chết ngất, ba ngày sau sống lại, tự nói: “Có vài người đến bắt lấy, dẫn đi vào cửa lớn quan phủ, thấy có hơn trăm kẻ tù nhân đều xếp hàng xoay mặt về hướng Bắc mà đứng, có cả thầy sáu hàng. Những người đứng hàng thứ nhất hình trạng béo trắng vận mặc y phục đẹp sạch như thuộc hạng quý nhân. Tiếp hàng thứ hai sau, dần gầy ốm xấu xí, hoặc mang gông cùm, hoặc chỉ cởi bỏ khăn đai, binh lính nghiêm mật canh giữ đều xếp hàng liền tay áo. Trịnh Sư Biện đến, bị xếp đưa vào hàng thứ ba, tình đầu hàng từ phía Đông là đứng thứ ba cũng cởi bỏ khăn đai, xếp liền tay áo. Trịnh Sư Biện rất lo sợ nên chuyên tâm niệm Phật, bỗng thấy có một vị Tăng từng quen biết lúc bình sinh vào trong hàng binh lính vây quanh. Binh lính không cản ngăn, nhân đó đến nơi Trịnh Sư Biện mà bảo: “Lúc bình sinh chẳng lo tu phước nay bỗng đến đây như thế nào?” Trịnh Sư Biện tha thiết cầu xin cứu giúp. Nay ta cứu người được ra khỏi, người có thể trì giới chăng?” Trịnh Sư Biện hứa: “Xin vâng theo”. Chỉ khoảnh khắc, có kẻ lại dẫn vào các tù, đến trước mặt quan để lần lượt hứa hỏi đến Trịnh Sư Biện. Nhân thấy có vị Tăng vì quan nói về phước nghiệp của Trịnh Sư Biện. Quan bảo: “Thả cho ra”. Nhân đó, vị Tăng ấy dẫn Trịnh Sư Biện ra đến ngoài cửa vì trao cho pháp ngữ giới, dùng bình nước sạch rửa trên trán Trịnh Sư Biện và bảo: “Lúc mặt nhật lặn về hướng Tây, hẳn sẽ sống vậy”. Lại lấy một cái áo choàng màu vàng trao cho Trịnh Sư Biện và bảo: “Khoát áo này về đến nhà đặt để nơi sạch sẽ tôn nghiêm”.

Đồng thời chỉ đường trở về. Trịnh Sư Biện khoát áo choàng và đi về, đến nhà, xếp gấp áo choàng đặt để trên góc giường. Thế rồi, Trịnh Sư Biện mở mắt thân mình cử động, mọi người trong nhà đều kinh sợ chạy tan, chỉ mình người mẹ chẳng bỏ đi, hỏi Trịnh Sư Biện rằng: “Người trị ư?” Trịnh Sư Biện nói: “Mặt nhật lặn về hướng Tây hẳn sống”. Trong ý Trịnh Sư Biện cho rằng lúc đó là giữa trưa nên hỏi mẹ, người mẹ đáp: “Đang là nửa đêm”. Mới biết sống chết trái ngược về đêm ngày vậy. Thế rồi hôm sau lúc mặt nhật lặn về hướng Tây, Trịnh Sư Biện bèn ăn được và lành, còn thấy chiếc áo choàng ở trên đầu giường. Đến lúc, Trịnh Sư Biện có thể dậy nổi hình áo choàng dần ẩn diệt mất, mà còn có ánh sáng, qua bảy ngày sau mới hết. Trịnh Sư Biện bèn hành trì ngũ giới. Vài năm sau, có người khuyên mời ăn thịt heo, chẳng dặng dưng, Trịnh Sư Biện mới ăn một miếng, đêm đó mộng thấy đã hóa làm La-sát, ranh nanh mỗi cái dài vài thước, túm bắt heo sống mà ăn. Đến sáng tỉnh giấc trong miệng nồng tanh, khạc nhổ ra, mới bảo người trông xem đó, đầy trong miệng đều là huyết đọng. Trịnh Sư Biện kinh sợ chẳng dám ăn thịt. Lại vài năm sau, cưới vợ, người vợ bức ép Trịnh Sư Biện ăn thịt, ăn lâu mới không ứng nghiệm, nhưng từ năm - sáu năm trở lại nay, nơi lỗ mũi Trịnh Sư Biện có vết thương lớn chín mùi, mà tự trọn đời chẳng lành. Sợ rằng do phá giới nên như thế đó. (Ngày trước Đường Lâm tôi cùng Trịnh Sư Biện đồng trực ở Đông cung, được nghe Trịnh Sư Biện tự nói việc đó).

### ***18. Phu nhân của Trần Công Thái.***

Phu nhân của Trần Công Thái, vốn người thuộc dòng họ Đậu lô, là chị ruột của Nhuế Công Khoan. Phu nhân rất tin tạo phước, tụng kinh Kim Cang Bát-nhã chưa hết quyển, chỉ một trang giấy lâu mà chẳng xong. Sau đó, một ngày nọ lúc trời xẩm tối, trên đầu đau nhức, tứ chi chẳng an, đêm nằm lại càng quá lắm, phu nhân tự nghĩ thản như nếu chết thì tụng kinh không được trọn bộ, muốn dậy tụng kinh mà trong nhà đèn đuốc đã tắt mất, phu nhân dậy gọi bảo kẻ tở đốt đèn, chốc lát sau kẻ tở trở lại, trong bếp không còn lửa, phu nhân lại bảo mở cửa đến nhà người để xin, lại cũng không có lửa, phu nhân càng rất than hận, bỗng nhiên thấy trong đóm có một đóm lửa lên thêm cấp vào trong nhà, thẳng đến trước giường, cách đất khoảng ba thước mà không người cầm nắm, ánh sáng như ban ngày, phu nhân vừa kinh hãi vừa vui mừng, đầu đau cũng giảm lành, liền lấy kinh ra trì tụng, khoảnh khắc sau, người nhà kéo dùi được lửa, đốt đuốc đem vào nhà thì ánh sáng đóm lửa đó

tự nhiên ẩn mất, bèn ngay đêm đó tụng trọn bộ kinh. Từ đó, mỗi ngày phu nhân trì tụng năm biến kinh lấy làm lệ thường. Về sau, Nhuế Công sắp chết, phu nhân đến thăm. Nhuế Công bảo cùng phu nhân rằng: “Chỉ nhờ phước đức tụng kinh sẽ sống thọ đến trăm tuổi, khéo nên sống vậy”. Đến nay phu nhân vẫn còn khỏe mạnh, tuổi đã tám mươi. Phu nhân tự kể với chị dâu của Đường Lâm tôi như vậy.

### ***19. Tả giám môn hiệu úy Phùng Dực Lý Sơn Long.***

Tả giám môn hiệu úy Phùng Dực Lý Sơn Long, trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiên Đường, bị bạo bệnh chết ngắt, mà trên tim không lạnh như ở lòng bàn tay, người nhà chữa nhẫn tẩm liệm. Đến bảy ngày sau, sống lại, Lý Sơn Long tự nói: Đang lúc chết bị quan đầu bắt xiềng xích đưa đến nơi một Quan tào, sảnh sự rất hoành tráng, sân đó cũng rộng lớn, trong sân có vài ngàn kẻ tù nhân, hoặc bị gông cùm, hoặc bị xiềng xích đều xoay mặt về hướng Bắc mà đứng đầy cả trong sân. Kẻ lại dẫn đưa Lý Sơn Long đến nơi sảnh sự, có một quan lớn ngồi nơi sàn tòa cao, có người canh hầu như vua, Lý Sơn Long hỏi: “Đó là quan nào?” Kẻ lại đáp: “Đó là vua vậy”. Lý Sơn Long đến trước dưới thêm cấp, vua hỏi: “Lúc bình sinh người tạo phước nghiệp gì?” Lý Sơn Long đáp: “Mỗi lúc người trong làng quê thiết trai hội giảng pháp, tôi thường thí vật đồng chung hỗ trợ”. vua hỏi: “Tự thân người làm được thiện nghiệp gì?” Lý Sơn Long đáp: “Trì tụng kinh Pháp Hoa được hai quyển”. vua bảo: “Tốt lành thay! Có thể bước lên thêm cấp”. Lý Sơn Long đã lên trên sảnh, ở phía Đông bắc có một tòa cao như giảng tòa, vua chỉ đến đó ngồi, và bảo Lý Sơn Long: “Có thể lên tòa ấy trì tụng kinh”. Lý Sơn Long vâng phụng lệnh đến bên cạnh tòa. vua liền đứng dậy, xưng: “Thỉnh Pháp sư lên pháp tòa”. Lý Sơn Long lên tòa xong, vua mới xoay mặt hướng về pháp tòa mà ngồi. Lý Sơn Long cất tiếng tụng: “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Tựa thứ nhất”. vua bảo: “Xin Pháp sư dừng!” Lý Sơn Long xuống khỏi pháp tòa lại đứng dưới thêm cấp, ngoáy trông nhìn trong sân, tất cả tù nhân đều mất không còn một người ở đó. vua bảo Lý Sơn Long rằng: “Phước lực của ông tụng kinh, chẳng chỉ tự lợi, mà khiến tất cả tù nhân trong sân đều nhờ nghe kinh mà được thoát khỏi. Đó chẳng phải tốt lành ư? Nay thả ông trở về”. Lý Sơn Long kính bái từ tạ, mới đi vài mươi bước. vua gọi trở lại, và bảo kẻ lại: “Có thể dẫn người này đi trông xem các ngục”. Kẻ lại liền dẫn Lý Sơn Long theo hướng Đông, đi hơn trăm bước, thấy một thành sắt rất rộng lớn, phía trên có nhà che phủ, bên cạnh thành đó có nhiều cửa

sổ nhỏ, hoặc lớn như cái bồn nhỏ, hoặc như chén bát, thấy có các người nam nữ từ đất bay vào trong cửa sổ đó, rồi chẳng trở ra. Lý Sơn Long lấy làm quái lạ, hỏi kẻ lại. Kẻ lại đáp: “Đó là ngục lớn, trong ngục phần nhiều đều có phân cách, tội phạt mỗi nơi một khác, mỗi mỗi tùy theo bản nghiệp vào ngục nhận chịu tội”. Nghe thế, Lý Sơn Long buồn sợ, xưng niệm: “Nam-mô Phật!” Và xin kẻ lại đưa ra. Đến nơi cửa viện thấy một cái vạc lớn, nước sôi tuôn trào, bên cạnh có hai người ngồi ngủ. Lý Sơn Long hỏi đó, hai người ấy đáp: “Chúng tôi bị tội báo vào vạc nước sôi này, may nhờ hiền giả xưng niệm Nam Mô Phật nên người tội trong ngục đều được tạm ngưng nghỉ một ngày, vì quá nhọc mệt nên ngủ vậy”. Lý Sơn Long lại xưng niệm: “Nam Mô Phật!” Kẻ lại bảo Lý Sơn Long rằng: “Sổ quan phủ dời đổi, nay vua phóng thả ông đi, ông có thể trình vua xin sao, nếu không như vậy sợ các quan khác chẳng biết, lại đuổi bắt ông”. Lý Sơn Long lại đến bái yết vua xin sao lục. vua bảo lấy giấy, viết một hàng chữ, giao cho kẻ lại và bảo: “Hãy vì lấy Quan thự ở Ngũ đạo v.v...” kẻ lại vâng mạng, dẫn Lý Sơn Long đi qua hai Tào, mỗi một sảnh sự đều có người canh hầu như trước. vua sai kẻ lại đều lấy Quan thự đó, mỗi nơi viết một hàng xong, giao cho Lý Sơn Long. Lý Sơn Long mang ra đến cửa, có ba người bảo Lý Sơn Long rằng: “vua phóng thả cho ông đi, có thể chẳng ít nhiều xin cho chúng tôi?” Lý Sơn Long chưa nói điều gì. Kẻ lại bảo Lý Sơn Long rằng: “vua phóng thả ông đi chẳng do ba người kia. Đó là kẻ sứ trước kia tóm bắt ông, trong đó một người là Thăng chủ, dùng sợi dây đỏ trói buộc ông, một người là Bồng chủ, dùng roi đánh đầu ông, và một người là Đại chủ, hớp lấy hơi ông, thấy ông được tha trở về, nên xin các vật vậy”. Lý Sơn Long bâng hoàng kinh sợ cảm tạ ba người đó rằng: “Tôi kẻ phàm ngu, không biết các ông, xin đến nơi nhà sẽ có đủ các vật, chỉ không biết đưa đến nơi nào để dâng hiến?” Ba người ấy bảo: “Đưa đến bên bờ sông, hoặc dưới gốc cây lớn”. Lý Sơn Long hứa: “Kính vâng”. Rồi từ tạ kẻ lại, trở về nhà, thấy mọi người đang than khóc, sắm sửa mọi vật tẩn liệm, Lý Sơn Long vào nhà, đến bên cạnh thân mình, liền sống lại. Ngày hôm sau cắt giấy làm tiền lụa, và sắm các thứ rượu, thức ăn, tự đưa đến bên bờ sông mà thiêu đốt, bỗng thấy có ba người cảm tạ rằng: “Nhờ ông chẳng mất chữ tín, lại cùng cấp tặng, chúng tôi hổ thẹn mang đội!” Nói xong, liền không thấy nữa. Lý Sơn Long tự đến nơi vị Tăng chủ chùa Tổng Trì kể nói việc ấy, lại chuyển đến Đường Lâm tôi kể nói như vậy.

